TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CAO LỘC** **TỈNH LẠNG SƠN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập -Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2018/HS-ST
Ngày 14-5-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LỘC, TỈNH LẠNG SƠN

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Phạm Công Đức.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Vũ Thu Hà.

Bà Trịnh Thị Như Thoa.

- Thư ký phiên toà: Ông Hứa Văn Nghiệp, là Thư ký Toà án nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên toà: Ông Chu Xuân Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 5 năm 2018, tại Tòa án nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 18/2018/TLST-HS, ngày 16 tháng 4 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2018/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 5 năm 2018 đối với bị cáo:

Nguyễn Thị T, sinh ngày 09 tháng 11 năm 1972.

Nơi cư trú: Số 16B, khu N, thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 05/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Ngọc S2 và bà Nguyễn Thị D (đều đã chết); có chồng: Chu Ngọc T2 (đã chết) và 04 con, lớn nhất sinh năm 1991, nhỏ nhất sinh năm 2000; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 20/8/2008 đã bị Tòa án nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn xử phạt 02 năm tù nhưng cho hưởng án treo, 04 năm thử thách về tội đánh bạc, đã được xóa án tích; bị bắt tạm giữ, tạm giam tại Trại giam Công an tỉnh Lạng Sơn từ ngày 05/9/2016 đến ngày 05/4/2018 thì chuyển đến Nhà tạm giữ Công an huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn đến nay "có mặt".

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Thông qua công tác tiếp nhận thông tin về hợp tác phòng chống tội phạm ma túy giữa Việt Nam - Trung Quốc, ngày 30/8/2016 Công an tỉnh Quảng Tây - Trung Quốc đã đề nghị Công an tỉnh Lạng Sơn phối hợp điều tra xử lý đường dây tội phạm về mua bán ma túy qua biên giới Việt Nam - Trung Quốc. Trong vụ án này các đối tượng phạm tội bên phía Trung Quốc đã bị Công an Trung Quốc điều tra làm rõ và xác định trong đường dây có 02 đối tượng (chuyển giao 38 bánh heroin từ Việt Nam sang Trung Quốc) là người Việt Nam, họ tên: 1) Đinh Kim H, địa chỉ thường trú: Khu L, thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; 2) Đào Thu H1; địa chỉ thường trú: Số 38, Khu N, thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn.

Hiện tại Công an Trung Quốc đang điều tra làm rõ hành vi phạm tội của các đối tượng trong vụ án bên phía Trung Quốc; còn có 02 đối tượng bên phía Việt Nam có liên quan trong đường dây của vụ án: Phạm Hồng T1 là người mang 38 bánh ma túy heroin từ Hà Nội đến Lạng Sơn giao cho đối tượng Nguyễn Thị T cất giấu vào trong các sọt hàng thủy sản (lươn) vận chuyển sang Trung Quốc giao cho Đinh Kim H, các tài liệu này Công an Trung Quốc đã chuyển giao, đề nghị Công an tỉnh Lạng Sơn điều tra làm rõ.

Từ những tài liệu do phía Công an Trung Quốc bàn giao, xét thấy có dấu hiệu tội phạm mua bán trái phép chất ma túy, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Lạng Sơn đã khởi tố vụ án, khởi tố bị can và ra lệnh bắt khẩn cấp đối với Phạm Hồng T1, nơi đăng ký HKTT tại: Số 25, khu N, thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn và Nguyễn Thị T về tội mua bán trái phép chất ma túy quy định tại khoản 4, Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999, khi xác minh tại địa phương thì T1 đã trốn khỏi địa phương trước đó; ngày 11/9/2016 Cơ quan Cảnh sát điều tra đã ra Quyết định truy nã đối với Phạm Hồng T1, khi nào bắt được sẽ xử lý sau. Còn đối với Nguyễn Thị T, sau khi kết thúc điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Lạng Sơn đã chuyển hồ sơ vụ án đến Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn đề nghị truy tố Nguyễn Thị T về hành vi mua bán trái phép chất ma túy theo khoản 4, Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999.

Tuy nhiên sau khi nghiên cứu hồ sơ, nhận thấy còn có một số tình tiết chưa được làm rõ, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn đã chuyển hồ sơ lại cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Lạng Sơn để khởi tố bị can, bắt tạm giam đối với Nguyễn Văn S, HKTT: Thôn 3, xã V, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc; Tạm trú: Ngõ 02, khu D, thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn về tội mua bán trái phép chất ma túy, khi xác minh tại địa phương Nguyễn Văn S không có mặt tại nơi cư trú.

Đối với Nguyễn Thị T, quá trình điều tra khai nhận: T chơi thân với Phạm Hồng T1 và Đinh Kim H, khoảng tháng 01/2016, trong một số lần gặp nhau H, T1 rủ T góp vốn để buôn bán "hàng cấm" sang Trung Quốc lời lãi sẽ chia ba nhưng T từ chối vì không có tiền, sau lần đó không thấy H và T1 nhắc đến việc này nữa.

Đến khoảng tháng 05/2016 (không nhớ ngày cụ thể), tại nhà ở của T, H có bàn chuyện buôn bán hàng thủy sản (lươn trạch) sang Bằng Tường và Nam Ninh Trung Quốc, thỏa thuận T thu gom lươn trạch từ Việt Nam vận chuyển qua biên giới giao cho H. Thời gian sau đó T đã bán cho H tổng cộng khoảng bốn chuyến hàng lươn trạch, số lượng hàng cụ thể từng chuyến T không nhớ rõ. Sau mỗi

chuyến hàng, khoảng một tuần H đem tiền mặt đến nhà trả cho T, có chuyến H kêu lỗ vì hàng chết nhiều nên T bớt cho H từ ba đến năm triệu đồng, có lần khi đến trả tiền H nói với T phải rủ H1"N" (tức Đào Thu H1, HKTT: Số 38, Khu N, thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn) cùng đi bán hàng vì sọt hàng nặng quá, một mình không làm được, vận chuyển từ biên giới đến chợ hải sản Quảng Châu Trung Quốc vì chỗ H và H1 thuê trọ xa chợ bán hàng, khoảng đầu tháng 7/2016, thì H bảo với T phải tạm hoãn việc bán hàng vì trời nắng nóng lươn chết nhiều quá.

Thời gian sau đó vào tối ngày 26/8/2016, H điện thoại bảo T chuẩn bị 30 sọt lươn, buổi sáng sẽ lấy để xuất hàng cho khách; hai ngày sau, khoảng 05 giờ sáng ngày 28/8/2016 hai người gặp nhau ở một quán gội đầu tại thành phố Lạng Sơn trao đổi giao hàng lươn, T nói chỉ được 27 sọt đã xếp trên xe nhưng H bảo cứ để 27 sọt lươn ở đấy (ý nói để trước cửa kho hàng của T ở số 04 đường P, khối Đ, phường C, thành phố L). T điện thoại bảo Nguyễn Văn S tức "S hói" (là người T thuê nhận kiểm tra phân loại và giao hàng Lươn) để xe hàng trước cửa kho, nếu có người của Đinh Kim H đến hỏi lấy hàng lươn thì giao cho họ, sau đó T không để ý nữa. Đến khoảng 08 giờ cùng ngày H điện thoại cho T nói "không xuất được hàng vì giấy phép hết hạn", H bảo vẫn phải xuất cảnh đi Quảng Châu vì H đặt vé tàu cao tốc rồi, H nhờ T cho gửi 27 sọt lươn ở kho, T đồng ý, H nói "chỉ cần dỡ hàng xuống xe không cần đổ ra bể nữa khi nào H điện thoại xuất hàng cho H luôn", nghe điện thoại xong T gọi điện bảo S "hói" như lời H nói.

Hôm sau khoảng 09 giờ ngày 29/8/2016, H gọi điện thoại bảo T xuất hàng cho H, T điện thoại cho S "hói" về xuất kho chuyển hàng 27 sọt lươn, 10 giờ cùng ngày, S "hói"gọi điện thoại nói "hàng bẩn chết nhiều quá", T bảo S "muộn rồi không cần đổ ra bể nữa, thay nước nhặt bớt con chết ra thêm đá lạnh vào là được", đến hơn 11 giờ H điện thoại gọi, giục T xuất hàng vì người của H đợi ở cửa khẩu lâu quá. T gọi điện thoại cho S "hói" thì được biết đã xếp hàng lên xe rồi. Thường lệ sau khi xuất hàng T thường gọi điện thoại cho H hỏi tình hình hàng thế nào, đêm 29/8/2016 T và H vẫn liên lạc với nhau, đến khoảng 7 giờ sáng ngày 30/8/2016 T điện thoại nhưng không liên lạc được.

Sau đó chiều 31/8/2016, qua thông tin T được biết H và H1 đã bị công an Trung Quốc bắt vì mua bán ma túy, biết H và H1 bị bắt, T gọi điện thoại hỏi T1 và đã được T1 cho biết toàn bộ nội dung sự việc liên quan đến 38 bánh ma túy là do H và T1 bàn nhau lợi dụng việc vận chuyển, buôn bán lươn trạch qua biên giới của T để tìm cách giấu ma túy vào các sọt lươn rồi vận chuyển đi Quảng Châu. Khoảng chiều ngày 03/9/2016, T điện thoại cho T1 thì không liên lạc được, lúc đó T biết T1 đã bỏ trốn. Chiều ngày 05/9/2016, T đang có mặt tại khu vực chợ bờ sông, phường Đ, thành phố L thì lực lượng Công an bắt giữ.

Quá trình điều tra Nguyễn Thị T khai nhận nội dung sự việc nêu trên. Khi nhận bản kết luận điều tra Nguyễn Thị T kêu oan, cho rằng chỉ mua bán hàng thủy sản (lươn) với H, việc mua bán, vận chuyển giấu ma túy vào trong các sọt lươn của H, H1 đi từ Việt Nam sang Trung Quốc như thế nào T không biết; Cơ quan điều tra kết luận phạm tội mua bán trái phép 38 bánh ma túy là không đúng, oan. Do

không biết chữ nên T không tự viết đơn, T đã nhờ cán bộ quản giáo nhắn gặp Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát để được khai báo lại nội dung sự việc.

Vật chứng thu giữ: 01 (một) chiếc xe ô tô tải hiệu HUYNDAI màu xanh đen đã qua sử dụng, biển kiểm soát: 30F- 5604; 01 (một) giấy đăng ký xe ô tô số: 047137, BKS 30F- 5604, mang tên Nguyễn Thanh B; 01 (một) giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ số: KC4516472, biển đăng ký 30F- 5604; 01 (một) giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc TNDS của chủ xe ô tô số AD170112586 đối với xe có biển kiểm soát 30F- 5604; 02 (hai) băng tiếp đạn (không xác định được của loại súng nào) đã bị han gỉ (T khai là của chồng tên là Chu Ngọc T2 nhưng T2 đã chết năm 2009); 01 (một) quyển sổ tay màu đen; 01 (một) thẻ ATM màu vàng, có số 9704431018088374 của ngân hàng SHB mang tên Nguyễn Thị T; 01 (một) chứng minh thư nhân dân số 080872476 mang tên Nguyễn Thị T; 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số 14A8006673 đăng ký lần đầu ngày 24/11/2009 mang tên Nguyễn Thị T; 01 (một) điện thoại di động NOKIA đã qua sử dụng, không có pin, màu xám đen, số IMEI 359047/04/159716/0. Kèm 01 sim Vinaphone; 34 (ba mươi tư) tờ giấy dòng kẻ ghi các chữ Trung Quốc; 01(một) điện thoại di động Iphone đã qua sử dụng, màu đen, lắp sim số 0913278791; 02 (hai) làn nhựa màu vàng có khung sắt gia cố bao quanh, bên ngoài quai có buộc dây màu trắng.

Với những chứng cứ thu thập được nhận thấy việc khởi tố điều tra truy tố bị cáo Nguyễn Thị T về tội mua bán trái phép chất ma túy (38 bánh ma túyheroin) như đã khởi tố chưa đủ căn cứ, Cơ quan điều tra đã thay đổi tội danh đối với bị cáo T về tội Không tố giác tội phạm, theo Điều 314 Bộ luật hình sự năm 1999. Bởi lẽ, ngoài lời khai trực tiếp của Đinh Kim H cho rằng T có liên quan, là đồng phạm đối với H và lời khai gián tiếp của Đào Thu H1 (chỉ nghe H nói chuyện), không có tài liệu khác chứng minh hành vi mua bán trái phép chất ma túy của bị cáo T; các bị can khác (T1 và S) đã khởi tố hiện đang bỏ trốn, H và H1 đã bị xử lý theo pháp luật Trung Quốc không thể đối chất được. Ngoài ra T thừa nhận có được H và T1 rủ buôn bán hàng cấm trong lần gặp nhau tại Hà Nội, tuy nhiên không thừa nhận đã bàn bạc, biết trước việc vận chuyển, mua bán 38 bánh ma túy của H và H1; các vật chứng thu giữ của bị cáo T không liên quan đến việc mua bán ma túy. Vậy nên, chưa đủ cơ sở kết luận điều tra, truy tố để đưa ra xét xử đối với Nguyễn Thị T về hành vi Mua bán trái phép chất ma túy mà chỉ có căn cứ xử lý Nguyễn Thị T về hành vi Không tố giác tội phạm, vì bản thân T biết rõ Phạm Hồng T1 là chủ mưu, đồng phạm với Đinh Kim H và Đào Thu H1 trong việc mua bán trái phép 38 bánh ma túy Heroin, T có đủ thời gian và điều kiện (từ 31/8 đến 05/9/2016) để tố giác hành vi phạm tội của T1 nhưng T đã không tố giác. Như vậy hành vi của T đã cấu thành tội Không tố giác tội phạm quy định tại khoản 1 Điều 314 Bộ luật hình sự năm 1999. Sau này nếu bắt được các đối tượng T1 và S đang bị truy nã nếu đủ chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội Mua bán trái phép 38 bánh ma túy của T thì sẽ xử lý đối với T vì xuất hiện tình tiết mới.

Bản Cáo trạng số 19/CT-VKS, ngày 16/4/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn đã truy tố bị cáo Nguyễn Thị T tội: Không tố giác tội phạm, theo quy định tại khoản 1, Điều 314 của Bộ luật hình sự năm 1999.

Tại phiên tòa bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như bản cáo trạng đã truy tố và khai nhận: Chiều 31/8/2016, qua thông tin T được biết H và H1 đã bị công an Trung Quốc bắt vì mua bán ma túy, biết H và H1 bị bắt, T gọi điện thoại hỏi T1 và đã được T1 cho biết toàn bộ nội dung sự việc liên quan đến 38 bánh ma túy là do H và T1 bàn nhau lợi dụng việc vận chuyển, buôn bán lươn trạch qua biên giới của T để tìm cách giấu ma túy vào các sọt lươn rồi vận chuyển đi Quảng Châu. Khoảng chiều ngày 03/9/2016, T điện thoại cho T1 thì không liên lạc được, lúc đó T biết T1 đã bỏ trốn nhưng bị cáo đã không tố giác tội phạm đối với T1 vì T với T1 là bạn và vì sợ ảnh hưởng đến việc làm ăn kinh doanh nên bị cáo không tố giác T1, việc truy tố xét xử bị cáo về tội không tố giác tội phạm là đúng với quy định của pháp luật, không oan sai.

Đại diện Viên kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên Quyết định truy tố và phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án, đồng thời đánh giá động cơ, mục đích, tác hại của hành vi phạm tội mà bị cáo gây ra và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị T phạm tội: "Không tố giác tội phạm"; về hình phạt:

Áp dụng khoản 1 Điều 314; điểm p khoản 1 Điều 46; các Điều 33, 45 của Bộ luật hình sự năm 1999, đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Thị T từ 24 đến 30 tháng tù.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, đề nghị:

Trả lại cho bị cáo: 01 (một) chiếc xe ô tô tải hiệu HUYNDAI màu xanh đen đã qua sử dụng, biển kiểm soát: 30F- 5604; 01 (một) giấy đăng ký xe ô tô số: 047137, BKS 30F- 5604, mang tên Nguyễn Thanh B; 01 (một) giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ số: KC4516472, biển đăng ký 30F- 5604; 01 (một) giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc TNDS của chủ xe ô tô sô AD170112586 đối với xe có biển kiểm soát 30F- 5604; 01 (một) quyển sổ tay màu đen; 01 (một) thẻ ATM màu vàng, có số 9704431018088374 của ngân hàng SHB mang tên Nguyễn Thị T; 01 (một) chứng minh thư nhân dân số 080872476 mang tên Nguyễn Thị T; 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số 14A8006673 đăng ký lần đầu ngày 24/11/2009 mang tên Nguyễn Thị T; 01 (một) điện thoại di động NOKIA đã qua sử dụng, không có pin, màu xám đen, số IMEI 359047/04/159716/0. Kèm 01 sim Vinaphone; 34 (ba mươi tư) tờ giấy dòng kẻ ghi các chữ Trung Quốc; 01(một) điện thoại di động Iphone đã qua sử dụng, màu đen, lắp sim số 0913278791; 02 (hai) làn nhựa màu vàng có khung sắt gia cố bao quanh, bên ngoài quai có buộc dây màu trắng.

Tịch thu tiêu hủy: 02 (hai) băng tiếp đạn (không xác định được của loại súng nào) đã bị han gỉ

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Bị cáo đã khai nhận rõ hành vi phạm tội của mình chiều 31/8/2016, qua thông tin Nguyễn Thị T được biết Đinh Kim H và Đặng Thu H1 đã bị công an Trung Quốc bắt về tội mua bán trái phép chất ma túy. Sau khi biết H và H1 bị bắt, T gọi điện thoại hỏi Phạm Hồng T1 và đã được T1 cho biết toàn bộ nội dung sự việc liên quan đến 38 bánh ma túy là do H và T1 bàn nhau lợi dụng việc vận chuyển, buôn bán lươn trạch qua biên giới của T để tìm cách giấu ma túy vào các sọt hàng thủy sản (lươn) rồi vận chuyển đi Quảng Châu. Khoảng chiều ngày 03/9/2016, T điện thoại cho T1 thì không liên lạc được, T biết T1 đã bỏ trốn. Bản thân T biết rõ Phạm Hồng T1 có vai trò chính, đồng phạm với Đinh Kim H và Đào Thu H1 trong việc mua bán trái phép 38 bánh ma túy Heroin, T có đủ thời gian và điều kiện (từ 31/8 đến 05/9/2016) để tố giác hành vi phạm tội của T1 nhưng T đã không tố giác với các cơ quan chức năng. Lời khai của bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ. Như vậy đã có đủ cơ sở để kết luận bị cáo Nguyễn Thị T phạm tội không tố giác tội phạm quy định tại khoản 1 Điều 314 Bộ luật hình sự năm 1999.

[2] Cáo trạng số 19/CT-VKS, ngày 16/4/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn đã truy tố bị cáo Nguyễn Thị T phạm tội không tố giác tội phạm quy định tại khoản 1 Điều 314 Bộ luật hình sự năm 1999 là đúng theo quy định của pháp luật.

[3] Trong quá trình điều tra, truy tố quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên đúng theo quy định của pháp luật.

[4] Đây là vụ án có liên quan đến vụ án mua bán trái phép chất ma túy đặc biệt nghiêm trọng hiện nay Công an Trung Quốc đang giải quyết. Đối với bị cáo T theo qui định pháp luật hình sự chưa đủ căn cứ kết tội đồng phạm trong vụ án ma túy; tuy nhiên quá trình điều tra cho thấy bản thân bị cáo T biết rõ Phạm Hồng T1 phạm tội mua bán trái pháp chất ma túy nhưng không tố giác, tạo điều kiện cho T1 bỏ trốn, đã gây khó khăn cho công tác điều tra, xử lý đối với Phạm Hồng T1, do vậy cần phải xử lý nghiêm khắc đối với Nguyễn Thị T với hành vi không tố giác tội phạm để răn đe và phòng ngừa chung.

[5] Để cá thể hoá hình phạt, ngoài việc xem xét tính chất, hành vi phạm tội nêu trên thì còn phải xem xét đến nhân thân, tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ để quyết định hình phạt; về nhân thân: Bị cáo là người có nhân thân xấu vì đã từng có tiền án; về tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự;

[6] Từ những phân tích trên khi lượng hình cần quyết định một hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo, bảo đảm tính giáo dục và có tính răn đe, phòng ngừa chung. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, biết việc Phạm Hồng T1 là chủ mưu cùng với Đinh Kim H cất giấu 38 bánh ma túy trong các sọt lươn của bị cáo để đưa sang Trung Quốc bán, H và H1 đã bị Công an

Trung Quốc bắt ngày 30/8/2016, sau đó T1 cũng đã bỏ trốn, nhưng bị cáo không khai báo, tố giác tội phạm với cơ quan Công an. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bị cáo là người có nhân thân xấu vì đã từng có tiền án nhưng không lấy đó làm bài học rút kinh nghiệm cho bản thân, phấn đấu trở thành người có ích cho xã hội mà vẫn tiếp tục phạm tội nên cần áp dụng hình phạt tù, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định để cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người có ích cho xã hội đồng thời răn đe, làm gương cho những người khác có ý định phạm tội tương tự.

[7] Luận tội của Kiểm sát viên về tội danh, về tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội do bị cáo thực hiện và về mức hình phạt áp dụng đối với bị cáo là có căn cứ, đúng với quy định của pháp luật.

[8] Đối với Nguyễn Văn S là người làm thuê cho Nguyễn Thị T, T giao cho S việc nhận, cân và đóng hàng lươn, trạch vào sọt rồi đưa lên ô tô vận chuyển lên cửa khẩu Cốc Nam giao cho người nhận hàng là Đinh Kim H để đưa đi Quảng Châu, theo lời khai của T, S là người sử dụng số điện thoại 0986955249 để liên lạc với T và giao dịch xuất hàng sang Trung Quốc cho người nhận hàng của H. Sau khi T bị bắt, Nguyễn Văn S đã bỏ trốn khỏi địa phương. Căn cứ lời khai của Nguyễn Thị T và các tài liệu thu thập có trong hồ sơ, Cơ quan điều tra đã khởi tố bị can, Lệnh bắt bị can để tạm giam đối với Nguyễn Văn S về hành vi Mua bán trái phép chất ma túy. Xác minh tại địa phương, xác định S đã bỏ trốn, Cơ quan điều tra đã Quyết định truy nã và tạm đình chỉ điều tra vụ án, bị can đối với Nguyễn Văn S, khi nào bắt được sẽ xử lý sau.

[9] Đối với Phạm Hồng T1 là đối tượng có liên quan trong vụ án mua bán trái phép chất ma túy đã bị Công an Trung Quốc khám phá, sau khi H và H1 bị bắt T1 đã bỏ trốn. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Lạng Sơn đã ra Quyết định truy nã, tạm đình chỉ điều tra vụ án, bị can đối với Phạm Hồng T1, khi nào bắt được sẽ xử lý sau.

[10] Về vật chứng của vụ án đã làm rõ: 01 (một) chiếc xe ô tô tải hiệu HUYNDAI màu xanh đen đã qua sử dụng, biển kiểm soát: 30F- 5604; 01 (một) giấy đăng ký xe ô tô số: 047137, BKS 30F- 5604, mang tên Nguyễn Thanh B là của vợ chồng bị cáo mua về để sử dụng vận chuyển hàng nên trả lại cho bị cáo; 01 (một) giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ số: KC4516472, biển đăng ký 30F- 5604; 01 (một) giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc TNDS của chủ xe ô tô số AD170112586 đối với xe có biển kiểm soát 30F- 5604; 01 (một) quyển sổ tay màu đen; 01 (một) thẻ ATM màu vàng, có số 9704431018088374 của ngân hàng SHB mang tên Nguyễn Thị T; 01 (một) chứng minh thư nhân dân số 080872476 mang tên Nguyễn Thị T; 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số 14A8006673 đăng ký lần đầu ngày 24/11/2009 mang tên Nguyễn Thị T; 01 (một) điện thoại di động NOKIA đã qua sử dụng, không có pin, màu xám đen, số IMEI 359047/04/159716/0. Kèm 01 sim Vinaphone; 34 (ba mươi tư) tờ giấy dòng kẻ ghi các chữ Trung Quốc; 01(một) điện thoại di động Iphone đã qua sử dụng, màu đen, lắp sim số 0913278791; 02 (hai) làn nhựa màu vàng có khung sắt gia cố bao

quanh, bên ngoài quai có buộc dây màu trắng là của bị cáo không liên quan đến việc phạm tội nên trả lại cho bị cáo.

02 (hai) băng tiếp đạn (không xác định được của loại súng nào) đã bị han gỉ (bị cáo khai là của chồng tên là Chu Ngọc T2 nhưng T2 đã chết năm 2009) nên tịch thu tiêu hủy.

[11] Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 314; điểm p khoản 1 Điều 46; các Điều 33, 45 của Bộ luật hình sự năm 1999.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị T phạm tội không tố giác tội phạm.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị T 01 (một) năm 09 (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ, ngày 05 tháng 9 năm 2016.

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015:

Trả lại cho bị cáo Nguyễn Thị T:

- 01 (một) chiếc xe ô tô tải hiệu HUYNDAI màu xanh đen đã qua sử dụng, biển kiểm soát: 30F- 5604;

- 01 (một) giấy đăng ký xe ô tô số: 047137, BKS 30F- 5604, mang tên Nguyễn Thanh B;

- 01 (một) giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ số: KC4516472, biển đăng ký 30F- 5604;

- 01 (một) giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc TNDS của chủ xe ô tô số AD170112586 đối với xe có biển kiểm soát 30F- 5604;

- 01 (một) quyển sổ tay màu đen;

- 01 (một) thẻ ATM màu vàng, có số 9704431018088374 của ngân hàng SHB mang tên Nguyễn Thị T;

- 01 (một) chứng minh thư nhân dân số 080872476 mang tên Nguyễn Thị T;

- 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số 14A8006673 đăng ký lần đầu ngày 24/11/2009 mang tên Nguyễn Thị T;

- 01 (một) điện thoại di động NOKIA đã qua sử dụng;

- 34 (ba mươi tư) tờ giấy dòng kẻ ghi các chữ Trung Quốc;

- 01 (một) điện thoại di động Iphone đã qua sử dụng, màu đen;

- 02 (hai) làn nhựa màu vàng có khung sắt gia cố bao quanh, bên ngoài quai có buộc dây màu trắng.

Tịch thu tiêu hủy: 02 (hai) băng tiếp đạn đã bị han gỉ.

(Vật chứng hiện đang tạm giữ tại Chi cục Thị hành án dân sự huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn. Theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 12 tháng 4 năm 2018 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Cao Lộc và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lộc).

3. Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Bị cáo Nguyễn Thị T phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng), tiền án phí hình sự sơ thẩm để sung quỹ Nhà nước.

4. Quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- Sở Tư pháp tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Cao Lộc;
- Công an huyện Cao Lộc;
- Chi cục THADS huyện Cao Lộc;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Phạm Công Đức